

## Dự báo kỳ rà soát chỉ số Vn30 và Vndiamond

- Chúng tôi dự báo BVH sẽ bị loại và DGC được thêm vào trong kỳ rà soát Q3 của bộ chỉ số VN30, có hiệu từ ngày 04/08/2025.
- Chỉ số Vndiamond sẽ thay đổi các tỷ lệ thành phần, giới hạn tỷ trọng vốn hóa vào ngày 21/7 và có hiệu lực từ ngày 04/08/2025.
- Tổng hợp trong đợt rà soát tháng 7 này, chúng tôi dự báo các cổ phiếu sẽ được các quỹ mô phỏng mua vào nhiều nhất bao gồm FPT, TCB, PNJ; ngược lại các cổ phiếu bán ròng nhiều nhất là MWG, VIC, VHM

### Dự báo kỳ rà soát Q2/25 chỉ số VN30: BVH bị loại, DGC được thêm mới

Bộ chỉ số VN30 sẽ được rà soát định kỳ Q3/25 với các mốc thời gian: ngày 30/6 chốt dữ liệu, ngày 16/7 công bố danh mục mới, ngày 01/08 là ngày giao dịch tái cơ cấu cuối cùng trước khi bộ chỉ số mới có hiệu lực vào ngày 4/8/2025.

Với các dữ liệu tính đến ngày 23/06, chúng tôi dự báo BVH nhiều khả năng sẽ bị loại do không đáp ứng được tiêu chí về thanh khoản, khối lượng bán ra vào khoảng 204 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DGC dự kiến được thêm mới với khoảng 600 nghìn cổ phiếu sẽ được mua vào.

Từ đầu năm đến nay, chỉ số VN30 đã tăng 10,13%, cao hơn so với mức tăng 9,49% của Vnindex. Trên thị trường hiện có 4 quỹ ETF đang sử dụng VN30 làm chỉ số tham chiếu, bao gồm: DCFVMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, với tổng tài sản đạt khoảng 8.886 tỷ đồng tính đến ngày 30/06/2025, trong đó Quỹ ETF DCFVMVN30 chiếm tỷ trọng lớn nhất với 5.900 tỷ đồng. Từ đầu năm đến nay, các quỹ ETF VN30 bị hút ròng khoảng 1.348 tỷ đồng.

### Dự báo thay đổi tỷ lệ thành phần chỉ số VNDiamond

Chỉ số Vndiamond sẽ thay đổi các tỷ lệ thành phần, giới hạn tỷ trọng vốn hóa vào ngày 21/7 và có hiệu lực từ ngày 4/8/2025.

Trong kỳ rà soát lần này cổ phiếu CTD sẽ được nâng trọng số %WS ở mức 100% do được chính thức vào danh mục. Chúng tôi ước tính các quỹ mô phỏng theo VNDiamond sẽ nâng tỷ trọng CTD, dự kiến mua vào khoảng 2 triệu cổ phiếu (Chi tiết xem ở bảng 3.)

CTD chính thức được vào rổ chỉ số VNDiamond tỷ trọng sẽ được nâng lên 100%, dự kiến các quỹ sẽ mua vào hơn 165 tỷ, ngoài ra FPT 348 tỷ, TCB 280 tỷ đồng cũng là những mã được mua vào giá trị lớn.

Chiều ngược lại MWG sẽ bị bán nhiều nhất với giá trị dự kiến hơn 400 tỷ đồng, tiếp theo là VIC bán 133 tỷ, VHM bán 58 tỷ.

Kỳ tháng 10 khi HOSE công bố thông tin thay cổ phiếu thành phần chỉ số, chúng tôi dự báo cổ phiếu VIB sẽ chính thức bị loại khỏi rổ chỉ số vào kỳ tháng 10 do không đáp ứng FOL.

Từ đầu năm đến nay, chỉ số VNDiamond đã tăng 0,38%, thấp hơn so với mức tăng 9,49% của Vnindex. Trên thị trường hiện có 5 quỹ ETF đang sử dụng VNDiamond làm chỉ số tham chiếu, bao gồm: Quỹ ETF ABFVN DIAMOND, ETF BVFVN DIAMOND, Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND, Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND, Quỹ ETF DCFVMVN DIAMOND, với tổng tài sản đạt khoảng 11.720 tỷ đồng tính đến ngày 30/06/2025, trong đó Quỹ ETF DCFVMVN DIAMOND chiếm tỷ trọng lớn nhất với 11.186 tỷ đồng. Từ đầu năm đến nay, các quỹ ETF VNDiamond bị hút ròng khoảng 1.054 tỷ đồng.

Tổng hợp trong đợt rà soát tháng 7 này, chúng tôi dự báo các cổ phiếu sẽ được các quỹ mô phỏng mua vào nhiều nhất bao gồm FPT, TCB, PNJ; ngược lại các cổ phiếu bán ròng nhiều nhất là MWG, VIC, VHM.

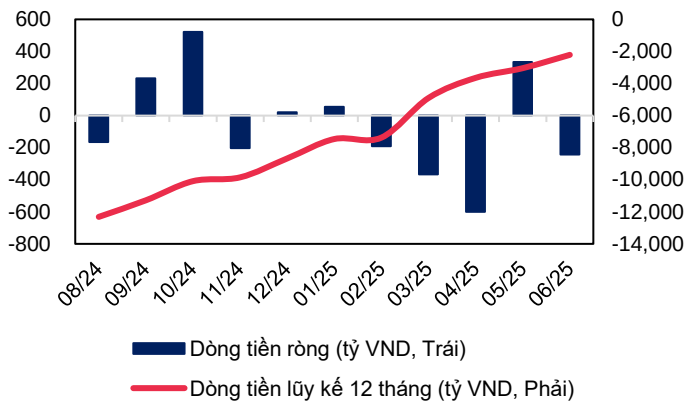
Chuyên viên phân tích

**Nghiêm Phú Cường**

Cuong.nghiemp Phu@mbs.com.vn

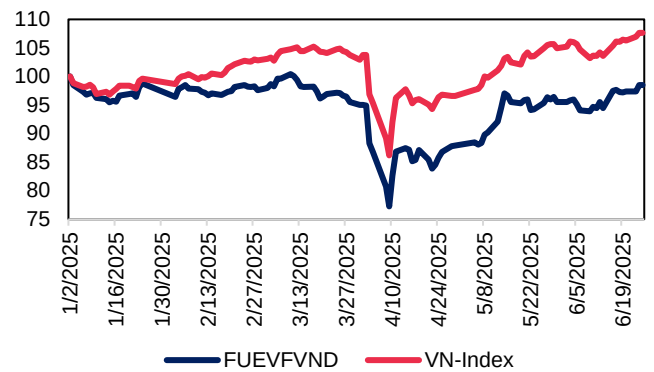
## Dự báo kỳ rà soát chỉ số Vn30 và Vndiamond

Hình 1: Diễn biến dòng vốn quỹ DCVFMVN Diamond sử dụng chỉ số Vndiamond



Nguồn: MBS Research

Hình 2: Diễn biến tăng trưởng quỹ DCVFMVN Diamond so với VN-Index (Đơn vị: %)



Nguồn: MBS Research

Bảng 3: Bảng tổng hợp dự kiến giao dịch tháng 7 của các quỹ ETF mô phỏng chỉ số VN30 và VNDiamond của kỳ rà soát tháng 07

| Mã  | Tỷ trọng mới trong VNDiamond | Tỷ trọng mới trong VN30 | Giá trị thay đổi dự kiến của quỹ DCVFMVN Diamond | Giá trị thay đổi dự kiến của quỹ DCVFMVN30 | Tổng giá trị    | Tổng khối lượng thay đổi | Số phiên giao dịch tương đương |
|-----|------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|--------------------------|--------------------------------|
| FPT | 14%                          | 10%                     | 293.615.951.575                                  | 54.609.444.585                             | 348.225.396.160 | 2.989.060                | 0,47                           |
| TCB | 12%                          | 7%                      | 262.726.262.151                                  | 26.780.967.616                             | 289.507.229.767 | 8.514.919                | 0,31                           |
| PNJ | 9%                           |                         | 174.662.840.756                                  |                                            | 174.662.840.756 | 2.177.841                | 4,03                           |
| CTD | 1%                           |                         | 165.667.248.911                                  |                                            | 165.667.248.911 | 2.000.812                | 1,22                           |
| MBB | 7%                           | 4%                      | 146.300.630.802                                  | 17.432.229.747                             | 163.732.860.549 | 6.321.732                | 0,22                           |
| GMD | 8%                           |                         | 161.047.834.349                                  |                                            | 161.047.834.349 | 2.875.854                | 1,51                           |
| ACB | 6%                           | 5%                      | 124.343.329.020                                  | 18.147.396.295                             | 142.490.725.315 | 6.689.705                | 0,6                            |
| VPB | 4%                           | 3%                      | 92.954.299.238                                   | 12.594.155.887                             | 105.548.455.125 | 5.689.943                | 0,23                           |
| REE | 5%                           |                         | 88.097.092.344                                   |                                            | 88.097.092.344  | 1.328.765                | 2,17                           |
| NLG | 4%                           |                         | 86.006.250.148                                   |                                            | 86.006.250.148  | 2.324.493                | 0,65                           |
| HDB | 4%                           | 3%                      | 72.762.192.145                                   | 10.878.000.242                             | 83.640.192.387  | 3.810.487                | 0,26                           |
| SSI |                              | 3%                      |                                                  | 81.933.456.249                             | 81.933.456.249  | 3.371.747                | 0,17                           |
| KDH | 4%                           |                         | 72.209.879.890                                   |                                            | 72.209.879.890  | 2.443.651                | 0,82                           |
| DGC |                              | 1%                      |                                                  | 57.341.694.262                             | 57.341.694.262  | 594.214                  | 0,3                            |
| CTG | 2%                           | 2%                      | 42.628.205.128                                   | 5.065.448.810                              | 47.693.653.938  | 1.147.862                | 0,13                           |
| MSB | 2%                           |                         | 47.199.962.839                                   |                                            | 47.199.962.839  | 3.933.330                | 0,23                           |
| HPG |                              | 10%                     |                                                  | 37.892.632.242                             | 37.892.632.242  | 1.403.431                | 0,05                           |
| TPB | 1%                           | 1%                      | 29.548.438.065                                   | 2.712.073.033                              | 32.260.511.098  | 2.434.756                | 0,31                           |
| BMP | 1%                           |                         | 29.943.310.454                                   |                                            | 29.943.310.454  | 215.419                  | 1,18                           |
| OCB | 1%                           |                         | 22.107.039.827                                   |                                            | 22.107.039.827  | 1.865.573                | 0,26                           |
| LPB |                              | 4%                      |                                                  | 14.101.287.299                             | 14.101.287.299  | 443.437                  | 0,16                           |
| STB |                              | 4%                      |                                                  | 13.514.283.573                             | 13.514.283.573  | 290.630                  | 0,03                           |
| VCB |                              | 2%                      |                                                  | 8.976.013.782                              | 8.976.013.782   | 158.587                  | 0,04                           |
| SHB |                              | 2%                      |                                                  | 7.333.139.820                              | 7.333.139.820   | 564.088                  | 0,01                           |
| SSB |                              | 2%                      |                                                  | 5.775.216.928                              | 5.775.216.928   | 319.073                  | 0,04                           |
| BID |                              | 1%                      |                                                  | 1.737.229.994                              | 1.737.229.994   | 48.256                   | 0,01                           |
| PLX |                              | 0%                      |                                                  | (1.580.263.964)                            | (1.580.263.964) | (41.531)                 | 0,02                           |

|     |     |      |                   |                   |                   |             |      |
|-----|-----|------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------|------|
| BCM |     | 0%   |                   | (2.194.253.194)   | (2.194.253.194)   | (35.679)    | 0,08 |
| GAS |     | 1%   |                   | (2.722.690.281)   | (2.722.690.281)   | (39.402)    | 0,02 |
| GVR |     | 0%   |                   | (4.348.143.465)   | (4.348.143.465)   | (146.649)   | 0,03 |
| SAB |     | 1%   |                   | (5.851.685.468)   | (5.851.685.468)   | (117.859)   | 0,09 |
| VJC |     | 3%   |                   | (6.120.749.826)   | (6.120.749.826)   | (69.475)    | 0,03 |
| BVH |     | 0,18 |                   | (10.848.000)      |                   | (204.300)   | 0,83 |
| VRE |     | 2%   |                   | (15.693.256.877)  | (15.693.256.877)  | (630.251)   | 0,15 |
| VIB | 0%  | 2%   | (37.154.549.093)  | 5.468.540.351     | (31.686.008.742)  | (1.745.786) | 0,42 |
| VNM |     | 4%   |                   | (37.965.536.043)  | (37.965.536.043)  | (673.148)   | 0,18 |
| MSN |     | 5%   |                   | (49.138.837.466)  | (49.138.837.466)  | (710.099)   | 0,08 |
| VHM |     | 7%   |                   | (58.436.500.605)  | (58.436.500.605)  | (755.970)   | 0,13 |
| VIC |     | 8%   |                   | (133.635.215.097) | (133.635.215.097) | (1.394.940) | 0,26 |
| MWG | 14% | 6%   | (395.432.743.207) | (51.956.511.194)  | (447.389.254.401) | (6.893.517) | 0,87 |

Nguồn: MBS Research

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS), Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào, Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào, Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS,

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

### Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến, Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng,

|              |                                                                 |
|--------------|-----------------------------------------------------------------|
| KHẢ QUAN     | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên                   |
| TRUNG LẬP    | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15% |
| KÉM KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%                     |

### Khuyến nghị đầu tư ngành

|              |                                                                                               |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| KHẢ QUAN     | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền      |
| TRUNG LẬP    | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền |
| KÉM KHẢ QUAN | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long. Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam, Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội),

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

**Giám đốc Khối Nghiên cứu**  
Trần Thị Khánh Hiền

**Trưởng phòng**  
Nguyễn Tiến Dũng

**Vĩ mô & Chiến lược thị trường**  
Ngô Quốc Hưng  
Nguyễn Phú Cường  
Đinh Hà Anh  
Võ Đức Anh  
Nguyễn Phương Anh

**Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính**  
Đinh Công Luyện  
Phạm Thị Thanh Hương

**Bất động sản – KCN - VLXD**  
Nguyễn Minh Đức  
Lê Hải Thành  
Phạm Thị Thanh Huyền

**Công nghiệp – Năng lượng**  
Nguyễn Hà Đức Tùng  
Mai Duy Anh

**Dịch vụ - Tiêu dùng**  
Nguyễn Quỳnh Ly